Chi tiết mã HS 7017.20.00

Mã HS	7017.20.00
Mô tả hàng hóa	Đồ thủy tinh dùng cho phòng thí nghiệm, cho vệ sinh hoặc dược phẩm, đã hoặc chưa được chia độ hoặc định cỡ / - Bằng thủy tinh khác có hệ số giãn nở tuyến tính không quá 5 x 10-6 độ Kelvin khi ở nhiệt độ từ 0oC đến 300oC
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	02/11/2026 05:03:52
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/70172000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K10551
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N10551
Thuế GTGT (VAT)	5/8/10	5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q10551
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E10040
ATIGA	2022	2022	0	AT!E9991
ATIGA	2023	2023	0	AT!F9991
ATIGA	2024	2024	0	AT!G9991
ATIGA	2025	2025	0	AT!H9991
ATIGA	2026	2026	0	AT!I9991
ATIGA	2027	2027	0	AT!J9991
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E10043
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F10043
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G10043

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H10043
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I10043
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J10043
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E10044
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F10044
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G10044
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H10044
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I10044
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J10044
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F10045
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H9997
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F10003
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G10003
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H10003
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I10003
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J10003
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K10003
VKFTA	2022	2022	0	VK!E10028
VKFTA	2023	2023	0	VK!F10028
VKFTA	2024	2024	0	VK!G10028
VKFTA	2025	2025	0	VK!H10028
VKFTA	2026	2026	0	VK!I10028
VKFTA	2027	2027	0	VK!J10028
VCFTA	2022	2022	0	VC!D10075
VCFTA	2023	2023	0	VC!E10075
VCFTA	2024	2024	0	VC!F10075

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G10075
VCFTA	2026	2026	0	VC!H10075
VCFTA	2027	2027	0	VC!I10075
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D10066
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E10066
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F10066
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G10066
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H10066
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I10066
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D10066
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E10066
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F10066
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G10066
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H10066
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I10066
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D10077
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E10077
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F10077
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G10077
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H10077
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I10077
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D10076
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E10076
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F10076
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G10076
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H10076

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I10076
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D10023
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E10023
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F10023
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G10023
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H10023
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I10023
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J10023
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D10060
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E10060
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F10060
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G10060
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H10060
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I10060
RCEP B	2022	2022	0	B!D10060
RCEP B	2023	2023	0	B!E10060
RCEP B	2024	2024	0	B!F10060
RCEP B	2025	2025	0	B!G10060
RCEP B	2026	2026	0	B!H10060
RCEP B	2027	2027	0	B!I10060
RCEP C	2022	2022	0	C!D10060
RCEP C	2023	2023	0	C!E10060
RCEP C	2024	2024	0	C!F10060
RCEP C	2025	2025	0	C!G10060
RCEP C	2026	2026	0	C!H10060
RCEP C	2027	2027	0	C!I10060

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D10059
RCEP D	2023	2023	0	D!E10059
RCEP D	2024	2024	0	D!F10059
RCEP D	2025	2025	0	D!G10059
RCEP D	2026	2026	0	D!H10059
RCEP D	2027	2027	0	D!I10059
RCEP E	2022	2022	0	E!D10063
RCEP E	2023	2023	0	E!E10063
RCEP E	2024	2024	0	E!F10063
RCEP E	2025	2025	0	E!G10063
RCEP E	2026	2026	0	E!H10063
RCEP E	2027	2027	0	E!I10063
RCEP F	2022	2022	0	F!D10060
RCEP F	2023	2023	0	F!E10060
RCEP F	2024	2024	0	F!F10060
RCEP F	2025	2025	0	F!G10060
RCEP F	2026	2026	0	F!H10060
RCEP F	2027	2027	0	F!I10060
VIFTA	2024	2024	0	VI!F9298
VIFTA	2025	2025	0	VI!G9298
VIFTA	2026	2026	0	VI!H9298
VIFTA	2027	2027	0	VI!I9298

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 7017.20.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 7017.20.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N10551), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.